

Số: 1165 /2023/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2023

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

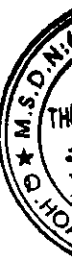
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/06/2012 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán và Quyết định số 1078/QĐ-UBCK ngày 13/12/2012 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 515/QĐ-UBCK;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

1/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/03/2008 của Thống đốc NHNN Việt Nam cấp cho Ngân hàng TMCP Liên Việt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 642/2023/QC-HĐQT ngày 25/4/2023 của Hội đồng Quản trị;
- Xét đề nghị của Quyền Tổng Giám đốc,

QUY ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện.
2. Quy chế này được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Đơn vị công bố thông tin (CBTT):** là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm về việc thực hiện thủ tục công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của Pháp luật. Tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Đơn vị công bố thông tin là Văn phòng HĐQT.
2. **Đơn vị cung cấp thông tin (CCTT):** là đơn vị chuẩn bị thông tin và cung cấp thông tin cho Đơn vị công bố thông tin theo Quy chế này (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này).

3. **Người nội bộ:** bao gồm:
- a) Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT;
 - b) Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Thư ký Ngân hàng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - e) Người nội bộ khác theo quy định pháp luật chứng khoán.
4. **Người có liên quan:** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - e) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. **Từ viết tắt**
- a) **UBCKNN:** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - b) **Sở GDCK:** là Sở Giao dịch chứng khoán.
 - c) **VSD:** là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Handwritten signature

Handwritten mark

300
NG
ÔNG
BU
LI
IVK

- d) **Ngân hàng:** là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.
- e) **HĐQT:** là Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.
- f) **Văn phòng HĐQT:** là Văn phòng Hội đồng Quản trị.
- g) **Khối PC&QLRR:** là Khối Pháp chế và Quản lý rủi ro.
- h) **Phòng TT&Marketing:** là Phòng Truyền thông và Marketing – Khối Văn phòng.
- i) **BCTC:** là Báo cáo tài chính.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 3. Ngôn ngữ thông tin công bố

Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh được thực hiện theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và pháp luật từng thời kỳ. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bắt buộc bao gồm các thông tin cá nhân mà Ngân hàng không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và Sở GDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và Sở GDCK thực hiện công khai thông tin.



3. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Ngân hàng phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
5. Hồ sơ công bố thông tin bao gồm:
 - a) Bản Công bố thông tin có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT (nếu có);
 - b) Nội dung thông tin công bố (Thông báo, quyết định, nghị quyết, báo cáo, công văn,...).
6. Hình thức công bố thông tin:
 - a) Văn bản (bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định) gửi UBCKNN và Sở GDCK (nếu cần).
 - b) Tài liệu điện tử định dạng file.xls, file.doc hoặc file.pdf bản scan có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền CBTT đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, Sở GDCK (có áp dụng chứng thư số) và website của Ngân hàng.
 - c) Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, Sở GDCK được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và Sở GDCK.
 - d) Việc thực hiện CBTT trên website của Ngân hàng được thực hiện theo quy định vận hành trang tin chính của Ngân hàng, đảm bảo hiển thị thời gian đăng tải thông tin rõ ràng, đồng thời đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận thông tin trên website.

Điều 5. Thẩm quyền xét duyệt, công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT tại Ngân hàng là Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của Ngân hàng.
2. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm xét duyệt thông tin được công bố, chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ của thông tin được công bố, kể cả thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.



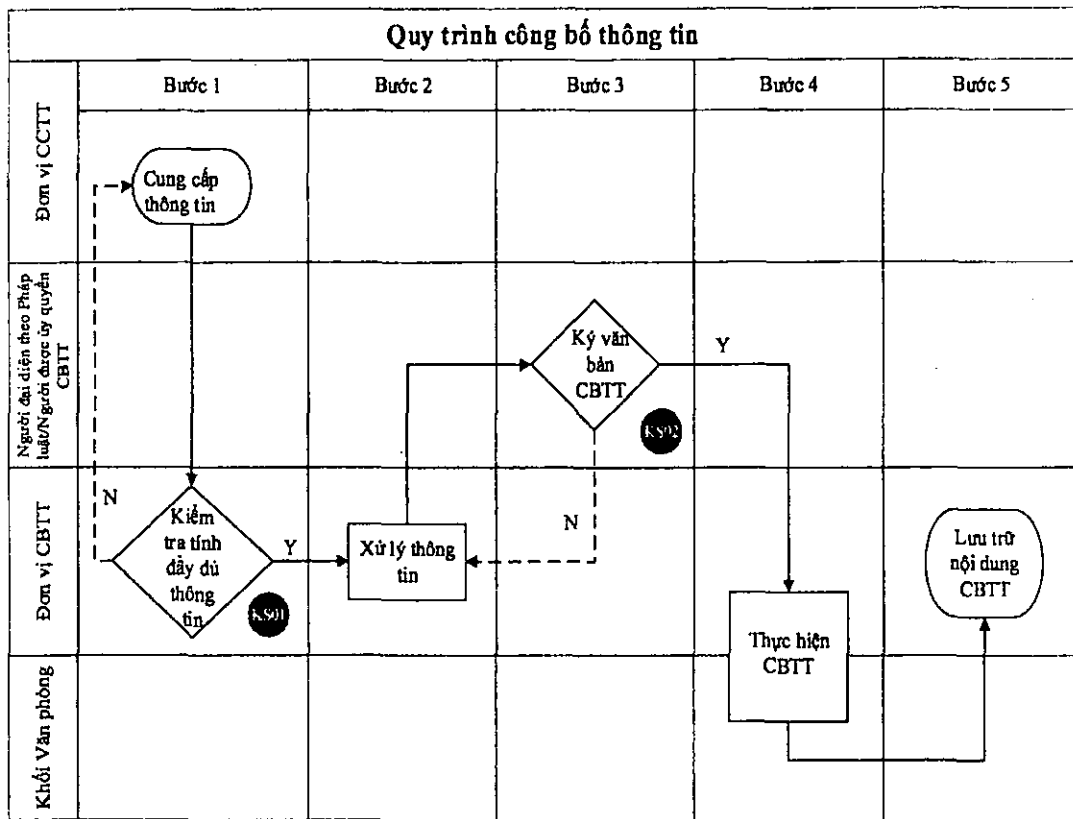


348
HÀ
MẠI C
J ĐH
NV
EM

3. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

Điều 6. Quy trình công bố thông tin

1. Lưu đồ



2. Diễn giải

a) Bước 1: Cung cấp thông tin

- Định kỳ hoặc đột xuất khi cần CBTT; Đơn vị CCTT cung cấp các tài liệu và thông tin liên quan đến nội dung cần công bố cho Đơn vị CBTT theo các quy định chi tiết tại Phụ lục 01.

- Đơn vị CBTT kiểm tra tính đầy đủ thông tin theo các quy định hiện hành
 - + Trường hợp có đủ thông tin: chuyển sang Bước 2.
 - + Trường hợp không có đủ thông tin: Đơn vị CBTT đề nghị các đơn vị liên quan CCTT.
- b) *Bước 2: Xử lý thông tin*
 - Đơn vị CBTT tổng hợp, xem xét nội dung chi tiết các thông tin cần công bố, soạn thảo văn bản công bố thông tin.
 - Đơn vị CBTT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung CBTT.
- c) *Bước 3: Ký văn bản CBTT*
 - Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT đồng ý: ký văn bản CBTT.
 - Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT không đồng ý: quay lại Bước 2. Đơn vị CBTT thực hiện chỉnh sửa, bổ sung văn bản. Đơn vị CCTT phối hợp bổ sung thông tin trong trường hợp cần thiết.
- d) *Bước 4: Thực hiện CBTT*
 - CBTT tại UBCKNN và Sở GD&ĐT: Đơn vị CBTT gửi một bản chính nội dung CBTT qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN và Sở GD&ĐT (nếu cần), đồng thời công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở GD&ĐT theo các văn bản hướng dẫn của UBCKNN và Sở GD&ĐT theo từng thời kì. Trong trường hợp khẩn cấp, Đơn vị CBTT có thể gửi thông tin qua Fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN.
 - CBTT qua website của Ngân hàng và các phương tiện thông tin đại chúng khác:
 - + Đơn vị CBTT gửi Phòng TT&Marketing nội dung CBTT, thời gian CBTT và yêu cầu khác (nếu có).
 - + Phòng TT&Marketing thực hiện đăng tải nội dung CBTT trên website Ngân hàng và các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có). Các thông tin công bố được hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu.




336
H
Ồ PH
ÊN
LIỆ
T
P

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên website của Ngân hàng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

e) Bước 5: Lưu trữ nội dung CBTT

- Đơn vị CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ các nội dung CBTT bằng văn bản và file dữ liệu điện tử để phục vụ việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.
- Phòng TT&Marketing có trách nhiệm đăng tải, lưu trữ trên website Ngân hàng các nội dung thông tin đã công bố.
- Thời hạn lưu trữ thông tin:
 - + Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm, lưu trữ và truy cập được trên website của Ngân hàng tối thiểu 05 năm.
 - + Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu trữ và truy cập được trên website của Ngân hàng tối thiểu 05 năm.
 - + Các thông tin khác: lưu trữ theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Nội dung thông tin, thời gian cung cấp thông tin và Đơn vị cung cấp thông tin

1. Nội dung thông tin công bố bao gồm: thông tin công bố định kỳ và thông tin công bố đột xuất (bất thường theo yêu cầu và công bố về các hoạt động khác).
2. Nội dung chi tiết thông tin công bố, thời gian cung cấp thông tin và đơn vị cung cấp thông tin thực hiện theo Phụ lục 01 ban hành theo Quy chế này.




CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM

Điều 8. Đơn vị công bố thông tin

1. Hướng dẫn các Đơn vị CCTT cung cấp thông tin phù hợp theo quy định.
2. Tiếp nhận thông tin, kiểm tra tính đầy đủ của nội dung CBTT.
3. Thực hiện CBTT đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện CBTT theo đúng quy trình, thủ tục do UBCKNN, Sở GD&ĐT, các cơ quan quản lý Nhà nước quy định và hướng dẫn.
5. Lưu trữ thông tin đã công bố theo đúng quy định.
6. Có quyền yêu cầu các đơn vị trên toàn hệ thống CCTT để thực hiện CBTT theo quy định của Pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

Điều 9. Đơn vị cung cấp thông tin

1. Cung cấp thông tin cho Đơn vị CBTT khi nghiệp vụ của đơn vị mình phát sinh nghĩa vụ cần CBTT (chi tiết theo Phụ lục 01 ban hành theo Quy chế này).
2. Cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ.
3. Đảm bảo tính chính xác của các thông tin cung cấp.
4. Trong trường hợp không thể CCTT theo đúng thời gian yêu cầu, Đơn vị CCTT có trách nhiệm thông báo lý do cho Đơn vị CBTT trước thời gian quy định tại Phụ lục 01 ban hành theo Quy chế này.

Điều 10. Các đơn vị liên quan

Phối hợp chuẩn bị các nội dung, tài liệu liên quan theo chức năng, nhiệm vụ để việc CBTT được thực hiện đúng theo quy định.



(Handwritten signatures and initials)

**CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 26 / 06 /2023 và thay thế Quy định Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán số 485/2018/QĐ-HĐQT ngày 13/08/2018 của Hội đồng Quản trị.
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và của Ngân hàng. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực.
3. Ban Tổng Giám đốc, Văn phòng HĐQT, các Khối, Trung tâm, Phòng thuộc Hội sở và các Đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời đến Văn phòng HĐQT để được giải quyết.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Các Khối, Trung tâm, Phòng TSC;
- Chi nhánh, PGD.
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC THỤY

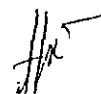
(Handwritten signatures)

Văn bản bị thay thế

STT	Tên	Số hiệu	Ngày ban hành
1	Quy định Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	485/2018/QĐ - HDQT	13/08/2018

Phụ lục kèm theo

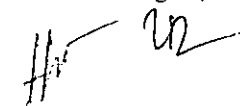
STT	Tên
Phụ lục 01	Nội dung thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán





Phụ lục 01
NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Công bố thông tin định kỳ quý					
	BCTC quý					
1.1	- Trường hợp Ngân hàng không có công ty con, đơn vị kế toán trực thuộc	- BCTC quý: 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý - BCTC quý được soát xét: 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	- BCTC quý - Công văn giải trình (nếu có)	- Khối Tài chính	- 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC không có kiểm toán - 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét	Các trường hợp phải giải trình BCTC: theo quy định của Pháp luật Trường hợp đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong
	- Trường hợp Ngân hàng là Công ty mẹ của một tổ chức khác	- BCTC quý: 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý - BCTC quý được soát xét: 05 ngày kể từ ngày	- BCTC riêng lẻ - BCTC hợp nhất, BCTC tổng hợp			



TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	và/hoặc có đơn vị kế toán trực thuộc	tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	- Công văn giải trình (nếu có)		- Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý
2	Công bố thông tin định kỳ bán niên					
	BCTC bán niên đã soát xét					
2.1	- Trường hợp Ngân hàng không có công ty con, đơn vị kế toán trực thuộc	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	- BCTC bán niên đã được soát xét - Công văn giải trình (nếu có)	- Khối Tài chính	- 03 ngày kể từ ngày kiểm toán ký BCTC bán niên - Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	- Các trường hợp phải giải trình BCTC: theo quy định của Pháp luật
	- Trường hợp Ngân hàng là Công ty mẹ của một tổ chức khác	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không	- BCTC riêng lẻ			

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	và/hoặc có đơn vị kế toán trực thuộc	quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	- BCTC hợp nhất, BCTC tổng hợp - Công văn giải trình (nếu có)			
2.2	- Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng định kỳ bán niên	30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Báo cáo theo mẫu pháp luật quy định (Hiện tại là Phụ lục V - Thông tư 96/2020/TT-BTC)	- Văn phòng HĐQT	25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	
2.3	- Bảng cung cấp thông tin về quản trị Ngân hàng	Báo cáo 06 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 30/07	Báo cáo theo mẫu của Sở giao dịch chứng khoán từng thời kỳ (hiện tại là mẫu CBTT/SGDHCM - 03 kèm theo	- Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	Báo cáo theo quy định của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh/Sở giao dịch




TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
			Quy chế 340 /QĐ-SGDHCM) và bản dữ liệu điện tử định dạng excel			chứng khoán Việt Nam
2.4	- Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ theo sổ cổ đông gần nhất	- Báo cáo 06 tháng đầu năm theo dữ liệu ngày 31/05 gửi chậm nhất là ngày 10/6 - Báo cáo 06 tháng cuối năm theo dữ liệu ngày 30/11 và gửi chậm nhất là ngày 10/12	Báo cáo theo mẫu của Sở giao dịch chứng khoán từng thời kỳ (hiện tại là mẫu CBTT/SGDHCM - 04 kèm theo Quy chế 340 /QĐ-SGDHCM) và bản dữ liệu điện tử định dạng excel	- Văn phòng HĐQT	Báo cáo 6 tháng đầu năm: 10/06 Báo cáo 6 tháng cuối năm: 10/12	Báo cáo theo quy định của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

15/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
3	Công bố thông tin định kỳ năm					
	BCTC năm đã kiểm toán					
3.1	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Ngân hàng không có công ty con, đơn vị kế toán trực thuộc - Trường hợp Ngân hàng là Công ty mẹ của một tổ chức khác và/hoặc có đơn vị kế toán trực thuộc 	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán; - Không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - BCTC năm đã được kiểm toán - Công văn giải trình (nếu có) - BCTC riêng lẻ - BCTC hợp nhất, BCTC tổng hợp - Công văn giải trình (nếu có) 	- Khối Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC năm. - Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày 	- Các trường hợp phải giải trình BCTC: theo quy định của Pháp luật
3.2	Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng định kỳ năm	30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo theo mẫu pháp luật quy định (Hiện tại là Phụ lục V, Thông tư 	- Văn phòng HĐQT	25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	




TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
			96/2020/TT-BTC)			
3.3	- Bảng cung cấp thông tin về quản trị Ngân hàng	Báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo	Báo cáo theo mẫu của Sở giao dịch chứng khoán từng thời kỳ (Hiện tại là mẫu CBTT/SGDHCM - 03 kèm theo Quy chế 340 /QĐ-SGDHCM) và bản dữ liệu điện tử định dạng excel	- Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	Báo cáo theo quy định của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
3.4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm kiểm toán;	- Báo cáo theo mẫu pháp luật quy định (Hiện tại là Phụ lục IV, Thông tư	Văn phòng HĐQT và các Khối/Trung tâm liên quan đến nội dung báo cáo thường niên sẽ phối hợp		

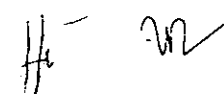
Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

17/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
		Không quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	96/2020/TT-BTC)		cung cấp thông tin theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc	
4	Công bố thông tin định kỳ khác					
	Họp đại hội đồng cổ đông thường niên					
4.1	- TB mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác dài hơn) Cập nhật, sửa đổi, bổ sung (nếu có)	TB mời họp, phiếu biểu quyết, Tài liệu họp ĐHĐCĐ...	- Văn phòng HĐQT	21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	



TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	- Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	24h kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ	Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	- Văn phòng HĐQT	06h kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ	
4.2	CBTT khác	Thực hiện theo quy định pháp luật và/hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.				

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

1. **Công bố thông tin bất thường trong vòng 24h:** Đơn vị CCTT cung cấp cho Đơn vị CBTT trong vòng 02 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện, hoặc ban hành quyết định/thông báo, hoặc nhận được thông báo, văn bản của các cơ quan khác.

TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
1.1	Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Tài chính	Ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Ngân hàng;

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

19/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



Handwritten signatures and initials.

TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
	phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp trên			
1.2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Ngân hàng có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	Quyết định của HĐQT liên quan đến nội dung CBTT Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc	- Văn phòng HĐQT	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải CBTT kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;



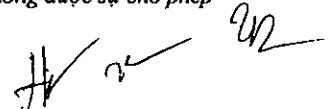

TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
		biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)		
1.4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Ngân hàng hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng HĐQT - Khối Nguồn vốn	
1.5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng HĐQT	
1.6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Khối PC&QLRR - Văn phòng HĐQT	

Lưu hành nội bộ

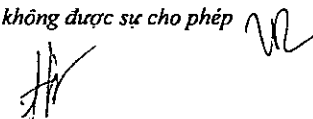
Phiên bản: 03/2023

21/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
	tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng			
1.7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Tài chính	Trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật
1.8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng chuyển đổi - Văn phòng HĐQT	



TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
	không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết			
1.9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng.	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng HĐQT - Khối Văn phòng	
	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:			
1.10	- Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Công văn thông báo về việc thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT (Hiện theo mẫu tại Phụ lục V - QĐ 21/QĐ-SGDVN)	- Văn phòng HĐQT	24h tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo UBCK về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi hoặc kết quả giao dịch về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ
	- Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ			

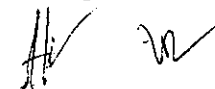
Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

23/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
	- Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông			Trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.
1.11	Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Ngân hàng cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng). Đồng thời, Ngân hàng gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định	Quyết định liên quan đến việc thay đổi nhân sự và Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (theo mẫu tại Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC)	- Văn phòng HĐQT	Nộp bản cung cấp thông tin đầy đủ cho UBCKNN và Sở GDCK CBTT bản cung cấp thông tin đã lược bỏ thông tin cá nhân của người có liên quan trên website và hệ thống CBTT của UBCKNN, Sở GDCK
	Phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ	- Văn phòng HĐQT (đầu mối) - Khối Văn phòng	
1.12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên	- Khối Tài chính - Khối Nguồn Vốn	



TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
	sản của Ngân hàng căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng;	Các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung CBTT	- Khối PC&QLRR - Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế			
	- Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng	Các bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến nội dung CBTT	- Khối PC&QLRR - Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
	- Khi nhận được Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Các quyết định của cơ quan thuế liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Tài chính - Khối Văn phòng	
1.15	Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Khối PC&QLRR	

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

25/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
1.16	Trường hợp Ngân hàng nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Ngân hàng, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng.	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.18	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở GDCK nước ngoài.	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.19	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Tài chính - Khối Nguồn Vốn - Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
1.20	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo	Quyết định của HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Tài chính - Khối Nguồn Vốn - Khối Văn phòng	




TT	Thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Ghi chú
	vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)		- Văn phòng HĐQT	
1.21	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	
	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu			
1.22	- Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Ngân hàng đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên, CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị mỗi lần từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên	Quyết định vay/phát hành trái phiếu Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi	- Khối Tài chính - Khối Nguồn Vốn	Vốn chủ sở hữu, Tổng tài sản tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

27/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao, chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
2.1	CBTT về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện như đối với ĐHĐCĐ thường niên (mục I. Phụ lục này)			- Văn phòng HĐQT	Theo mục I. Phụ lục này	
2.2	Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn	Phiếu lấy ý kiến Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	- Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	




3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT
3.1	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. CBTT về quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày
3.2	CBTT về việc hủy ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	24h kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng HĐQT	Trong vòng 1h kể từ khi ban hành thông báo

4. Công bố thông tin liên quan đến kế toán:

4.1	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo	Như mục 1.1; 2.1; 3.1 Phần I. Phụ lục này	Bản công bố thông tin và ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính	- Khối Tài chính	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày
-----	--	---	---	------------------	---------------------------------------

Lưu hành nội bộ

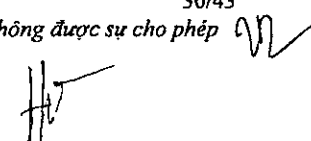
Phiên bản: 03/2023

29/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



	cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố				
4.2	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp Công văn giải trình (nếu có)	- Khối Tài chính	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 02 ngày



III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	Trong vòng 01h kể từ khi phát sinh sự kiện hoặc nhận được văn bản.
2	Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Khối Văn phòng - Văn phòng HĐQT	

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LÀ CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI NỘI BỘ
1. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
1.1	CBTT khi cổ đông trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn	- Cổ đông thực hiện CBTT trong thời hạn	Báo cáo theo mẫu quy định (Hiện là Phụ lục VII, TT	Văn phòng HĐQT (trên cơ sở thông	Trước thời hạn CBTT	Tính từ thời điểm

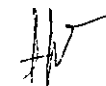
Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

31/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
		05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.	96/2020/TT-BTC)	tin do cổ đông và VSD cung cấp)	tối thiểu 01 ngày	hoàn tất giao dịch chứng khoán
1.2	CBTT khi có sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn vượt qua các ngưỡng 1% (ngoại trừ trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu do Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu)	- Ngân hàng CBTT trên website trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cổ đông	Báo cáo theo mẫu quy định (Hiện là Phụ lục VIII, TT 96/2020/TT-BTC)			
1.3	CBTT đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết		Báo cáo theo mẫu quy định (Hiện là Phụ lục IX và Phụ lục X, TT 96/2020/TT-BTC)			




2. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông là người nội bộ:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
2.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa	<u>Người nội bộ và người có liên quan</u> : CBTT trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Thực hiện giao dịch theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở GDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở GDCK. CBTT báo cáo trong vòng 05 ngày kể từ ngày hoàn tất giao dịch <u>Ngân hàng</u> : CBTT trong vòng 03 ngày làm việc kể từ	Báo cáo theo mẫu quy định (Hiện là phụ lục 13, 14, 15, 16- TT 96/2020/TT-BTC	- Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ (theo khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Quy chế này - Văn phòng HĐQT (trên cơ sở thông tin do VSD cung cấp)	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

33/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
	kê, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác). Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký cần có giải trình nguyên nhân.	ngày nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định				

V. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA NGÂN HÀNG

1. Chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
1.1	CBTT về hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm	Thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo	Theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước	- Khối Nguồn vốn - Văn phòng HĐQT	Đơn vị chủ trì việc phát hành thực hiện theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước	



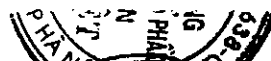
TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
	yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.				
1.2	Phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, niêm yết trái phiếu doanh nghiệp					
1.2.1	Đối với trường hợp phát hành trái phiếu huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt	Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm	- Khối Nguồn Vốn	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

35/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
	chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước		toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên			
1.2.2	CBTT về tình hình thanh toán gốc, lãi trái	30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và	Theo mẫu quy định (Hiện tại là Phụ lục VI,	- Khối Nguồn Vốn	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	




TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
	phiếu theo mẫu quy định	kết thúc năm dương lịch	TT 96/2020/TT-BTC)			
1.2.3	Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi	Tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu	Thông báo của tổ chức phát hành về về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi	- Khối Nguồn Vốn - Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

37/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.



2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
2.1	CBTT tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa lần đầu	Trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng	Thông báo theo mẫu quy định (Hiện tại là mẫu 38, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	- Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	
2.2	Thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa khi xảy ra một trong các sự kiện: - Thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng; - Quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với các ngành, nghề đầu	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện	Thông báo theo mẫu quy định (Hiện tại là mẫu 39, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	- Văn phòng HĐQT	Ngay khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền	




TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
	tư kinh doanh Ngân hàng đang hoạt động có sự thay đổi; - Điều lệ Ngân hàng có quy định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.					

3. Mua lại cổ phiếu của Ngân hàng, bán cổ phiếu quỹ:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
3.1	CBTT Báo cáo về việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chấp thuận của UBCK về việc mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo, Ngân hàng phải CBTT trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, phương tiện CBTT báo cáo về việc mua lại cổ phiếu.	Theo mẫu quy định (Hiện tại là Phụ lục số 35, 36, 37, 38, 39 – TT 118/2020/TT-BTC)	- Văn phòng HDQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
		<p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, Ngân hàng phải gửi báo cáo kết quả giao dịch đến UBCKNN và CBTT ra công chúng. Trong trường hợp Ngân hàng không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Ngân hàng phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.</p> <p>CBTT trong vòng 24h kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu; CBTT trong vòng 24h kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ</p>				

Handwritten signature

Handwritten signature

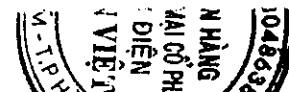
TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
		phiếu quỹ theo quy định, Ngân hàng phải gửi Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin ra công chúng				
3.2	CBTT trong trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	Phụ lục số 36, TT 118/2020/TT-BTC	- Văn phòng HĐQT	Trước thời hạn CBTT tối thiểu 01 ngày	
3.3	CBTT khác về giao dịch cổ phiếu quỹ	Thực hiện CBTT theo Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn. Khi phát sinh giao dịch, Văn phòng HĐQT sẽ lên danh mục các công việc cần thực hiện và đề nghị các Đơn vị CCTT phối hợp.				

Lưu hành nội bộ

Phiên bản: 03/2023

41/43

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Cấm sao chép, copy, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

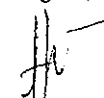


4. Tạm hoãn CBTT, thay đổi thông tin đã công bố:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
4.1	Tạm hoãn CBTT: vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ...):	Ngay khi xảy ra sự kiện Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng phải CBTT mà trước đó chưa công bố	Công văn thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung CBTT	- Văn phòng HĐQT	Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng	
4.2	Thay đổi nội dung thông tin đã công bố (Ngân hàng phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN)	Ngay khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi nội dung thông tin đã công bố		- Văn phòng HĐQT	Ngay khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền	

5. CBTT về việc đăng ký/thay đổi người được ủy quyền CBTT:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
5.1	CBTT về việc đăng ký/dăng ký lại người được ủy quyền CBTT	24h kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi có hiệu lực	Giấy Ủy quyền, Quyết định, Nghị quyết	- Văn phòng HĐQT	Ngay khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền	




6. CBTT về việc thay đổi trang thông tin điện tử:

TT	Thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Hồ sơ	Đơn vị CCTT	Thời hạn CCTT	Ghi chú
6.1	CBTT về việc thay đổi địa chỉ website	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Công văn thông báo	- Khối Văn phòng - Văn phòng HDQT	Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	

7. CBTT về giao dịch chào mua công khai:

Thực hiện CBTT theo Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn. Khi phát sinh giao dịch chào mua công khai, Văn phòng HDQT sẽ lên danh mục các công việc cần thực hiện và đề nghị các Đơn vị CCTT phối hợp.

8. CBTT khác:

Thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Ghi chú:

- Đơn vị CCTT và các Đơn vị liên quan trong Quy chế này có thể thay đổi theo quyết định về mô hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ từng thời kỳ.
- Ngoài các Đơn vị CCTT như liệt kê tại Phụ lục này (tại cột Đơn vị CCTT), Đơn vị nào phát sinh các thông tin phải công bố (tại cột "Thông tin") có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Văn phòng HDQT để thực hiện.